

Số: 802/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 23 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, thực hiện Chương trình 135
theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ
trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong năm 2014 và năm 2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 162/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến nông, khuyến ngư ở địa bàn khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

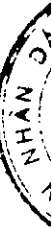
Căn cứ Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Bộ trưởng Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 của liên Bộ Ủy ban dân tộc, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư số 102/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 20/8/2007 của liên Bộ Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo;

Căn cứ Thông tư số 44/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 29/3/2010 của liên Bộ Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 20/8/2007 của liên Bộ Tài chính, Lao



động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 11/TTr-BDT ngày 11/3/2014,

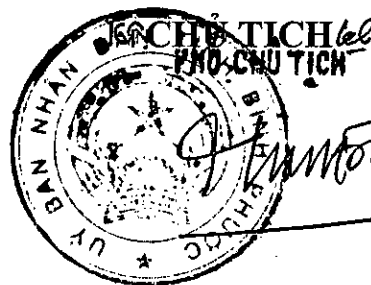
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, thực hiện Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn III) trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong năm 2014 và năm 2015.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, P.VX, TT.TH-CB;
- Lưu: VT (Ng-QĐ06)_{18K}



Nguyễn Huy Phong

QUY ĐỊNH

Quản lý, thực hiện Chương trình 135
theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ
trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong năm 2014 và năm 2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 23/4/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng cho tất cả các nhiệm vụ của Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn III) thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong năm 2014 và 2015.

2. Đối tượng áp dụng

- Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 và các thôn đặc biệt khó khăn được phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; triển khai thực hiện trong năm 2014 và năm 2015.

Hàng năm, Ban Dân tộc tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét đưa ra khỏi diện đầu tư của Chương trình các xã, thôn/ấp đã hoàn thành mục tiêu Chương trình.

Điều 2. Quy định về Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn III

1. Cấp tỉnh

Sử dụng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh thực hiện nhiệm vụ Chương trình 135 giai đoạn III. Trong đó, giao Ban Dân tộc tỉnh là Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn III.

2. Cấp huyện

UBND các huyện, thị xã ban hành quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn III cấp huyện; do một Phó Chủ tịch UBND huyện, thị xã làm Trưởng Ban, Trưởng Phòng Dân tộc (đối với huyện có Phòng Dân tộc) làm Phó trưởng Ban Thường trực, các thành viên là đại diện các phòng, ban có liên quan.

3. Cấp xã

Cấp xã không thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình 135

Yêu cầu thành lập Ban Quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ Chương trình được phân cấp làm chủ đầu tư.

Điều 3. Một số nguyên tắc cơ bản

1. Chương trình 135 được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn: ngân sách Trung ương (NSTW), ngân sách địa phương (NSDP), huy động các nguồn lực và lồng ghép các chương trình, dự án để tổ chức thực hiện trên địa bàn.

2. UBND tỉnh quyết định tiêu chí phân bổ vốn cho các xã, thuộc Chương trình 135 theo mức độ khó khăn (hệ số K) và phân bổ vốn cho các huyện theo tiêu chí UBND huyện giao kế hoạch chi tiết cho các xã.

3. Thực hiện Chương trình 135 phải công khai, dân chủ từ cơ sở, phát huy mạnh mẽ sự tham gia của người dân. UBND cấp xã thông báo công khai, minh bạch về đối tượng thụ hưởng, mức vốn kế hoạch, quyết toán kinh phí từng năm và cả giai đoạn của Chương trình. Việc lập kế hoạch thực hiện hàng năm và cả giai đoạn phải lấy ý kiến của nhân dân. UBND cấp xã, tổng hợp, thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, trình UBND cấp huyện phê duyệt.

4. Kế hoạch thực hiện Chương trình 135 phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, gắn với tiêu chí nông thôn mới và phải có ý kiến thống nhất của cơ quan thường trực Chương trình 135 cấp tỉnh; thực hiện theo diện rộng ở tất cả các xã, thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK), đồng thời tập trung ưu tiên nguồn lực chỉ đạo điểm ở một số xã, thôn để rút kinh nghiệm nhân rộng, các công trình dự án được bố trí vốn phải hoàn thành dứt điểm, thời gian thực hiện tập trung trong một năm, tối đa không quá hai năm.

5. Tăng cường phân cấp cho UBND cấp xã quản lý thực hiện công trình, dự án của Chương trình 135, UBND tỉnh và UBND huyện, thị xã có trách nhiệm hướng dẫn và bố trí cán bộ giúp đỡ để UBND xã trực tiếp quản lý.

6. Hàng năm, Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình 135 tổ chức rà soát lại các xã, thôn ĐBK để tham mưu UBND tỉnh bổ sung vào hoặc đưa ra khỏi Chương trình, gửi lấy ý kiến thẩm tra của Ủy ban Dân tộc, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định về phân cấp quản lý, thực hiện Chương trình

1. Cấp tỉnh: Ban Chỉ đạo Chương trình của tỉnh có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện Chương trình 135 giai đoạn III trên địa bàn tỉnh.

2. Cấp huyện: UBND cấp huyện, thị xã là cấp quản lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát tình hình thực hiện Chương trình 135 giai đoạn III trên địa huyện.

3. Cấp xã: UBND xã là cấp đề xuất nhu cầu dự án, kế hoạch hàng năm và giám sát thực hiện các hoạt động của Chương trình trên địa bàn xã. Là chủ đầu tư các công trình được phân cấp và do UBND huyện giao.

Điều 5. Tổ chức thực hiện các dự án thuộc Chương trình 135 giai đoạn III năm 2014 và năm 2015

1. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Đối tượng:

- Hộ nghèo, cận nghèo theo quy định hiện hành.

- Nhóm hộ, phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Được lựa chọn công khai, dân chủ từ thôn, ấp trên cơ sở tự nguyện, gồm những hộ nghèo, cận nghèo và những hộ khác có uy tín đang sinh sống trên cùng địa bàn, có kinh nghiệm trong sản xuất, có khả năng hướng dẫn, giúp đỡ hộ nghèo, cận nghèo trong nhóm vươn lên thoát nghèo. Nhóm hộ có 1 Trưởng nhóm do các hộ bầu ra để quản lý điều hành các hoạt động của nhóm (ưu tiên phụ nữ làm Trưởng nhóm).

+ Có cam kết và quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ để thực hiện kế hoạch, dự án sản xuất đã được xác định và sử dụng hiệu quả nguồn vốn nhằm tăng thu nhập, tạo việc làm cho các thành viên. Việc thành lập nhóm hộ do UBND xã quyết định; trong nhóm số lượng hộ không phải là hộ nghèo, cận nghèo không quá 20% tổng số hộ của nhóm và phải có sự thống nhất của đa số hộ nghèo, cận nghèo. Nhóm hộ tự xây dựng nội quy hoạt động, được trưởng thôn đồng thuận và Chủ tịch UBND xã phê duyệt.

b) Chủ đầu tư

Ủy ban nhân dân xã là chủ đầu tư dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

(Chủ đầu tư có thể thành lập Ban quản lý dự án, Ban giám sát Chương trình 135 chung của xã làm nhiệm vụ tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất trên địa bàn)

c) Nội dung dự án

Căn cứ quy hoạch, đề án phát triển nông thôn mới, định hướng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và nhu cầu của người dân, UBND xã hướng dẫn người dân lựa chọn các nội dung hỗ trợ phù hợp, thiết thực gắn với thị trường, có tính bền vững về thu nhập và an ninh lương thực để thực hiện xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm đa dạng hóa và tăng thu nhập cho người dân. Không nhất thiết phải đầu tư cho tất cả các nội dung ở cùng một địa bàn để tập trung vốn, tránh dàn trải. Nội dung thực hiện cụ thể như sau:

- Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và khuyến công giúp người dân nâng cao kiến thức phát triển kinh tế hộ gia đình, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiếp cận tín dụng, thông tin thị trường, sử dụng đất đai có hiệu quả, nâng cao thu nhập.

+ Tuyên truyền các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, thông tin thị trường, giá cả; hướng dẫn phổ biến tới các hộ dân một số quy trình phát triển sản xuất cây trồng, vật nuôi, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản ...

+ Bồi dưỡng, tập huấn, tuyên truyền để nâng cao kiến thức, kỹ năng, quản lý kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

+ Tổ chức thăm quan, khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất trong và ngoài tỉnh.

+ Xây dựng mô hình trình diễn về ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật – công nghệ trong sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vật tư sản xuất

Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng, có giá trị cao trên thị trường theo nguyện vọng của người dân và phù hợp với điều kiện của địa phương; hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm; hỗ trợ vật tư phục vụ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất: Hợp tác với các tổ chức và doanh nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa kỹ thuật vào sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với bảo quản, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ tạo điều kiện cho người dân tham quan học tập nhân rộng mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch (máy cày, bừa, bơm nước, máy tuốt lúa, máy sấy, máy thái trộn thức ăn chăn nuôi,...); ưu tiên hỗ trợ những trang thiết bị, máy, công cụ sử dụng được nguồn nguyên liệu sẵn có và đang có nhu cầu cần thiết của địa phương; hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật để sử dụng thành thạo các loại trang thiết bị, máy, công cụ đã được hỗ trợ giúp các hộ nghèo giảm nhẹ lao động thủ công nặng nhọc, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập; tạo điều kiện để hộ nghèo chuyển đổi nghề mới, thúc đẩy phân công lao động xã hội tại địa phương.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý phát triển sản xuất, cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư về dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm; giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ, kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao nhận thức và vận dụng vào kế hoạch sản xuất của hộ, nhóm hộ đã được xác định để phát triển sản xuất trên địa bàn xã.

- Vốn thực hiện các nội dung trên phải được lồng ghép từ các nguồn vốn: Vốn Chương trình 135, vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đặc biệt khó khăn, vốn tự có, vốn huy động từ các nguồn khác để tập trung nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất có hiệu quả.

d) Định mức hỗ trợ

- Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư

Đối tượng hỗ trợ chủ yếu là các hộ nghèo, cận nghèo, nhóm hộ; nếu có hộ khác tham gia các hoạt động này thì tỷ lệ hộ nghèo tối thiểu là 80%, hộ khác tối đa 20% so với tổng số hộ trong nhóm. Định mức hỗ trợ cho các hộ tham gia lớp tập huấn là 100% chi phí tài liệu học và chi phí ăn ở khi tham gia đào tạo (quy định tại khoản a, mục 1, điều 12, chương 4 của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ và mục 2 điều 3 của Quyết định số 162/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ).

- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi (cây giống, con giống), vật tư sản xuất (thức ăn chăn nuôi, phân hóa học, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật)

+ Đối với cây trồng: hỗ trợ 100% giá trị giống và vật tư chủ yếu (tính theo định mức tại thời điểm hỗ trợ cho từng loại cây trồng), mức hỗ trợ tối thiểu 7.000.000 đ/hộ (Bảy triệu đồng/hộ).

+ Đối với vật nuôi: hỗ trợ 100% giá trị giống và thuốc phòng một số bệnh ban đầu, thức ăn tổng hợp, mức hỗ trợ tối thiểu 7.000.000 đ/hộ (Bảy triệu đồng/hộ).

(Quy định tại mục đ, khoản 2, Điều 3 của Thông tư liên tịch số 68/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21/5/2013 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

- Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất

+ Đối với mô hình chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất (áp dụng các mô hình quy mô nhỏ mang tính chất trình diễn, thử nghiệm, hướng dẫn chuyên giao khoa học kỹ thuật), đối tượng hỗ trợ là hộ nghèo, cận nghèo; mức hỗ trợ 100% giá trị giống và vật tư chủ yếu (bao gồm các loại cây giống, con giống, phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản) mức hỗ trợ tối thiểu 7.000.000 đ/hộ (Bảy triệu đồng/hộ).

+ Đối với mô hình sản xuất gắn với chế biến bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản:

Đối với hộ nghèo, cận nghèo: Hỗ trợ 100% giá trị giống, vật tư, thiết bị, máy móc, công cụ chủ yếu, mức hỗ trợ tối thiểu 7.000.000 đ/hộ (Bảy triệu đồng/hộ).

Nếu mô hình xây dựng theo hình thức nhóm hộ (có hộ khác tham gia với tỷ lệ dưới 20%), thì hộ khác được hỗ trợ 50% giống, vật tư, thiết bị, máy móc, công cụ chủ yếu, nhưng mức tối đa không quá 3.500.000 đ/hộ (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng/hộ).

(Quy định mục đ, khoản 2, điều 3 của Thông tư liên tịch số 68/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21/5/2013 của liên bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh & Xã hội)

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị máy móc công cụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch.

+ Hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo: hỗ trợ 100% giá trị máy, công cụ, thiết bị, nhưng mức hỗ trợ tối đa 7.000.000 đ/hộ (Bảy triệu đồng/hộ).

+ Hỗ trợ cho nhóm hộ (hộ nghèo, cận nghèo tham gia trong nhóm tối thiểu 80% hộ khác tham gia tối đa 20%); hỗ trợ 80% giá trị máy, công cụ, thiết bị, nhưng mức hỗ trợ tối đa cho nhóm hộ không quá 150.000.000 đ/01 mô hình và mức hỗ trợ bình quân 7.000.000 đ/hộ (Bảy triệu đồng/hộ).

(Quy định mục đ, khoản 2, Điều 3 của Thông tư liên tịch số 68/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21/5/2013 của liên bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).

e) Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư sản xuất

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn UBND huyện, thị xã xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm phù hợp với quy hoạch phát triển nông thôn mới, định hướng phát triển sản xuất trên địa bàn trình UBND tỉnh.

- UBND tỉnh: Căn cứ nguồn vốn Trung ương giao và nguồn vốn địa phương, phê duyệt kế hoạch và phân bổ cho các đơn vị thực hiện.

- UBND huyện, thị xã: Tổng hợp kế hoạch hàng năm, kế hoạch cả giai đoạn của các xã (đã được cơ quan thẩm quyền thẩm định) báo cáo UBND tỉnh.

- UBND xã:

+ Chỉ đạo Trưởng thôn tổ chức họp dân lựa chọn nội dung, nhu cầu hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng, mức vốn hỗ trợ của Chương trình 135, các nguồn vốn theo chính sách hiện hành, vốn huy động khác; thông tin thị trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã để người dân thảo luận, lựa chọn. Trưởng thôn tổng hợp nhu cầu của các hộ, nhóm hộ báo cáo nội dung đã được xác định với UBND xã và thông báo công khai để nhân dân giám sát.

+ Lập kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn trình UBND huyện.

g) Tổ chức thực hiện.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh hướng dẫn chỉ đạo thực hiện Chương trình.

- UBND huyện, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra UBND xã tổ chức thực hiện dự án.

- Phòng Dân tộc phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã có trách nhiệm triển khai, giám sát hỗ trợ các xã thực hiện Chương trình và lựa chọn chỉ đạo điểm ở một số xã, thôn bản để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng.

- UBND xã được thụ hưởng Chương trình 135 giai đoạn III và UBND xã có thôn đặc biệt khó khăn triển khai thực hiện theo đúng tinh thần văn bản này và các văn bản có liên quan.

- Chế độ báo cáo: Định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm, UBND xã báo cáo về UBND huyện để báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, trình UBND tỉnh.

2. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng

a. Các công trình đầu tư, xây dựng

Các công trình đầu tư xây dựng gồm: làm mới, sửa chữa, cải tạo nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã, thôn thuộc đối tượng của dự án kể cả sửa chữa, nâng cấp công trình cũ đầu tư bằng nguồn vốn khác được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

- Hệ thống giao thông phục vụ sản xuất và dân sinh.

- Hệ thống các công trình điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất.
- Nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; trạm chuyên tiếp phát thanh.
- Trạm y tế xã đồng bộ cả công trình phụ trợ điện, nước sinh hoạt, trang thiết bị thiết yếu theo tiêu chuẩn hóa cơ sở y tế cấp xã.
- Trường, lớp học tại trung tâm xã; lớp tiểu học, lớp mẫu giáo, nhà trẻ ở thôn, ấp đầu tư đồng bộ cả điện, nước sinh hoạt, trang bị bàn ghế học tập, công trình phục vụ cho học sinh bán trú, nhà ở giáo viên.
- Công trình thủy lợi nhỏ, công trình thủy lợi kết hợp cấp nước sinh hoạt phục vụ trong phạm vi xã, thôn, ấp hoặc liên xã, liên thôn ấp.
- Các công trình đầu tư có sử dụng trên 50% nguồn vốn từ Chương trình 135 phải gắn biển ghi tên công trình thuộc Chương trình 135 và các thông tin cơ bản của đơn vị chủ đầu tư, đơn vị thi công, tổng vốn đầu tư, thời gian khởi công và hoàn thành.

b. Chủ đầu tư

Công trình đầu tư có tính liên hoàn, sử dụng trên phạm vi liên xã hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao giao cấp huyện làm chủ đầu tư. UBND huyện thành lập Ban Quản lý dự án riêng hoặc giao cho Ban Quản lý dự án đã có thực hiện. Ban Quản lý dự án huyện được mở tài khoản tại KBNN huyện và có con dấu riêng.

Công trình do một xã quản lý sử dụng, giao cấp xã làm chủ đầu tư. UBND xã quyết định thành lập Ban Quản lý dự án trực thuộc UBND xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện và sử dụng con dấu của UBND xã để giao dịch. Thành phần gồm: Trưởng ban là Chủ tịch UBND hoặc Phó Chủ tịch UBND xã; kế toán; các thành viên khác gồm một số cán bộ đại diện các ban, ngành trong xã, các Trưởng thôn, ấp, các hộ đại diện cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trong xã (do các cộng đồng dân cư đề cử). Ban Quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Trường hợp khó khăn trong việc làm chủ đầu tư, UBND huyện có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn giúp xã hoặc tham gia Ban Quản lý cấp xã để xã có đủ năng lực làm chủ đầu tư.

- Nhiệm vụ của chủ đầu tư và Ban Quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

c. Cấp quyết định đầu tư

UBND huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình thuộc dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã, thôn, ấp đặc biệt khó khăn.

d. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ hạ tầng xã

- Quý II hàng năm, UBND xã căn cứ danh mục các công trình được đầu tư quy định tại Mục II của hướng dẫn này và danh mục công trình trong kế hoạch tổng thể, thông báo và tổ chức lấy ý kiến tham gia của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội để rà soát danh mục, địa điểm, mức vốn (vốn NSTW, NSĐP, huy động), quy mô công trình; sắp xếp thứ tự ưu tiên, xác định công trình cụ thể vốn kế hoạch thực hiện năm

sau, tổng hợp thông qua thường trực Hội đồng nhân dân xã (nơi có tổ chức Hội đồng nhân dân), trình UBND huyện phê duyệt.

- Căn cứ danh mục công trình đã được UBND huyện phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, kèm theo kế hoạch đấu thầu trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

e. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

- Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Báo cáo KTKT)

+ Kinh phí lập Báo cáo được bố trí trong kế hoạch năm từ nguồn kinh phí đầu tư cho dự án thuộc Chương trình 135.

+ Công trình thuộc dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn thuộc Chương trình 135 có thời gian thực hiện không quá 2 năm hoặc có giá trị công trình dưới 3 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất) chỉ cần lập Báo cáo KTKT; đối với công trình có mức vốn đầu tư từ 3 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất) hoặc có yêu cầu kỹ thuật cao (do chủ đầu tư quyết định), chủ đầu tư phải lập Báo cáo KTKT và phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

+ Trong quá trình lập Báo cáo KTKT các công trình cơ sở hạ tầng, chủ đầu tư (trong trường hợp tự lập hoặc thuê đơn vị tư vấn) phải lấy ý kiến của cộng đồng (những người hưởng lợi trực tiếp và có trách nhiệm đóng góp xây dựng công trình) về các nội dung đầu tư và cơ chế huy động nguồn lực đầu tư thực hiện dự án.

+ Báo cáo KTKT xây dựng công trình và kế hoạch đấu thầu do chủ đầu tư tự lập hoặc lựa chọn tổ chức, đơn vị có đủ năng lực thực hiện.

+ Quản lý chi phí đầu tư công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135 thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Xây dựng.

- Thẩm định, phê duyệt Báo cáo KTKT:

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình.

+ Đối với công trình do huyện làm chủ đầu tư, UBND huyện giao cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định Báo cáo KTKT.

+ Đối với những công trình do xã làm chủ đầu tư: UBND huyện có trách nhiệm thẩm định Báo cáo KTKT trước khi phê duyệt.

+ Thời gian thẩm định Báo cáo KTKT: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các công trình do huyện làm chủ đầu tư; không quá 07 ngày làm việc đối với các công trình do xã làm chủ đầu tư.

+ Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo KTKT:

- Tờ trình xin phê duyệt của chủ đầu tư, gồm các nội dung: Tên dự án, chủ đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô và địa điểm xây dựng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phương án huy động vốn đầu tư, thời gian khởi công và hoàn thành, các nội dung khác (nếu thấy cần giải trình); thuyết minh Báo cáo KTKT, bản vẽ thiết kế thi công, dự toán và kế hoạch đấu thầu; các văn bản pháp lý có liên quan.

+ Nội dung thẩm định Báo cáo KTKT, gồm:

Sự phù hợp của công trình với quy hoạch phát triển nông thôn mới, phù hợp với kế hoạch tổng thể chung phát triển cơ sở hạ tầng của xã.

Tính khả thi về kỹ thuật, khả năng giải phóng mặt bằng, khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ dự án, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến dự án.

Xem xét tính hợp lý của chi phí công trình (so sánh với giá cả của địa phương, so sánh với các công trình, dự án tương tự).

g. Thực hiện đầu tư xây dựng công trình

- Lựa chọn nhà thầu xây dựng thực hiện theo 3 hình thức sau:

+ Giao cộng đồng dân cư (những người hưởng lợi trực tiếp từ công trình) tự thực hiện xây dựng.

+ Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân (ưu tiên trong xã) đủ năng lực để thực hiện.

+ Lựa chọn nhà thầu thông qua các hình thức đấu thầu.

- Quy định cụ thể về quy trình, hình thức chọn nhà thầu, đấu thầu và hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành.

- Các trường hợp được phép chỉ định thầu:

+ Gói thầu có tổng mức đầu tư dưới 3 tỷ đồng.

+ Gói thầu thực hiện cấp bách để khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ.

+ Gói thầu đã tổ chức đấu thầu nhưng chỉ có một nhà thầu tham gia.

+ Gói thầu thực hiện bằng hình thức khoán gọn theo đơn vị sản phẩm (ví dụ như: triệu đồng/km, m²) nhằm huy động sức lao động của dân, do dân tự tổ chức thực hiện, Ngân sách Nhà nước hỗ trợ dưới 70% số vốn đầu tư, có Báo cáo KTKT đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng:

Chủ tịch UBND huyện phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu theo đề nghị của chủ đầu tư.

h. Giám sát hoạt động xây dựng

Giám sát của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện giám sát thi công, trách nhiệm giám sát của chủ đầu tư thực hiện theo Điều 24 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Giám sát cộng đồng: Thực hiện theo quy định của Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 14/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát đầu tư cộng đồng và Thông tư số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

Kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Phần IV Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006.

Những công trình đầu tư có quy mô nhỏ (có giá trị dưới 500 triệu đồng), thiết kế kỹ thuật đơn giản mà chủ đầu tư giao cho ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình; ban giám sát đầu tư của cộng đồng được hưởng định mức chi phí giám sát thi công xây dựng công trình, tối đa không vượt định mức giám sát thi công xây dựng công trình do UBND cấp tỉnh quy định; trường hợp UBND cấp tỉnh chưa quy định định mức giám sát thi công công trình xây dựng thì được áp dụng định mức do Bộ Xây dựng công bố.

i. Nghiệm thu, bàn giao, khai thác, vận hành, duy tu bảo dưỡng

- Nghiệm thu, bàn giao công trình: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành; thành phần tham gia nghiệm thu gồm:

+ Đại diện chủ đầu tư.

+ Đại diện tổ chức tư vấn lập Báo cáo KTKT.

+ Đại diện tổ chức, đơn vị thi công.

+ Đại diện giám sát của chủ đầu tư, đại diện giám sát cộng đồng.

+ Đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình.

+ Đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi công trình.

Tùy từng trường hợp cụ thể, chủ đầu tư có thể mời thêm thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu.

- Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư bàn giao công trình cho UBND xã để giao cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng (cử đại diện bàn giao tay ba: Đại diện chủ đầu tư - Bên thi công - Tổ chức, cá nhân hưởng lợi) và bàn giao ít nhất 01 bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho UBND xã; thông báo công khai giá trị công trình được quyết toán tới người dân.

- Quản lý, vận hành và sử dụng công trình

+ Những công trình hạ tầng phục vụ lợi ích chung toàn xã (đường liên thôn, trường học, trạm xá, trạm biến thế, kênh mương chính...) UBND xã chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo trì. Căn cứ số vốn được phân bổ cho duy tu, bảo dưỡng, UBND xã chỉ đạo lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng các công trình do xã quản lý, huy động công sức của nhân dân địa phương và các nguồn lực hợp pháp để đầu tư duy tu, bảo dưỡng công trình.

+ Những công trình (còn lại) phục vụ lợi ích hộ và nhóm cộng đồng do các hộ và các nhóm cộng đồng được hưởng lợi trực tiếp quản lý, vận hành và tự huy động vốn bảo trì với sự kiểm tra của chính quyền xã.

- Duy tu, bảo dưỡng công trình:

Những công trình hạ tầng có tính chất sử dụng cho khu vực liên xã, không do UBND xã quản lý thì việc duy tu bảo dưỡng do các đơn vị được giao quản lý thực hiện từ nguồn kinh phí duy tu bảo dưỡng hàng năm.

+ Những công trình và hạng mục công trình phục vụ kinh doanh dịch vụ hoặc phục vụ lợi ích cho hộ và nhóm hộ do người sử dụng quản lý, tự duy tu bảo dưỡng.

+ Những công trình hạ tầng phục vụ lợi ích chung trong phạm vi xã, thôn (kể cả những công trình hạ tầng được đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc Chương trình 135) do cấp có thẩm quyền giao cho UBND xã quản lý được sử dụng vốn hỗ trợ duy tu bảo dưỡng của Chương trình 135 và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện.

Hàng năm, UBND xã lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng các công trình do xã quản lý, sử dụng, trình UBND huyện phê duyệt, vốn duy tu bảo dưỡng được giao thành một khoản riêng trong ngân sách của xã. UBND xã làm chủ đầu tư nguồn vốn duy tu bảo dưỡng của xã, trên cơ sở vốn được phân bổ, giao cho Ban quản lý dự án xã (nếu có) hoặc thôn có công trình duy tu bảo dưỡng lập dự toán chi tiết các nguồn vốn: hỗ trợ của ngân sách nhà nước, huy động, vật tư, lao động trong cộng đồng trình chủ đầu tư phê duyệt. Giá cả vật tư, lao động được tính theo mặt bằng giá tại khu vực xã do chủ đầu tư quyết định. Tùy theo tính chất công việc, trường thôn tổ chức cho dân trong thôn tự duy tu bảo dưỡng hoặc thành lập tổ, nhóm duy tu bảo dưỡng. Chủ đầu tư ký hợp đồng và tổ chức nghiệm thu, thanh toán với đại diện tổ nhóm thực hiện có xác nhận của trưởng thôn.

Điều 6. Sử dụng nguồn vốn đầu tư

1. Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán vốn

Theo các hướng dẫn, quy định hiện hành của Bộ Tài chính nói chung và các hướng dẫn riêng cho Chương trình 135 (nếu có).

2. Phân bổ nguồn vốn cho các dự án, chính sách

Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý vốn ngân sách thực hiện theo Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn; cụ thể trên địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

a. Đối với dự án phát triển cơ sở hạ tầng

- Đối với dự án phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBKK: phân bổ nguồn vốn cho các huyện theo các tiêu chí được phê duyệt tại Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND tỉnh.

- Đối với dự án phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã khu vực II, khu vực I có thôn, ấp ĐBKK: UBND tỉnh phân bổ cho các huyện theo định mức được quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Đối với dự án hỗ trợ sản xuất: UBND tỉnh phân bổ theo định mức được quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Sử dụng nguồn vốn:

- Nguồn vốn được sử dụng chi hỗ trợ cho các dự án theo các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và duy tu, bảo dưỡng công trình.

- Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa khác mua của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình 135, giá cả phải phù hợp mặt bằng giá cả chung trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được UBND xã xác nhận.

- Những địa phương có công trình, dự án được triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Chương trình 135 giai đoạn II, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, ấp ĐBKK thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 trước khi có hướng dẫn tại Thông tư số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013, được sử dụng vốn của Chương trình 135 từ nguồn vốn Trung ương và địa phương giao theo kế hoạch hàng năm để bố trí tiếp cho các công trình hoàn thành được quyết toán, hoàn thành chưa quyết toán và thi công dở dang trên địa bàn các xã, thôn tiếp tục thực hiện Chương trình 135.

- Kinh phí quản lý Chương trình 135 ở các cấp địa phương được đảm bảo từ NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác dùng để hỗ trợ chi cho các hoạt động: kiểm tra giám sát, tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình 135, công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, tập huấn của tỉnh, huyện và Trung ương, thiết bị văn phòng cho các hoạt động của cơ quan thường trực. Mức kinh phí quản lý đảm bảo từ NSDP hàng năm tương ứng không quá 0,5% tổng kinh phí NSTW hỗ trợ cho tỉnh để thực hiện Chương trình 135. Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất với Ban Dân tộc tỉnh (Thường trực Chương trình 135) tham mưu UBND tỉnh phân bổ cụ thể cho cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, chỉ đạo thực hiện.

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình 135 từ ngân sách đều phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước.

Điều 7. Chế độ báo cáo tình hình thực hiện các dự án, chính sách thuộc Chương trình

1. Báo cáo định kỳ hàng quý, năm thực hiện theo mẫu báo cáo của Ủy ban Dân tộc ban hành Quy định về chế độ, nội dung và biểu mẫu báo cáo chương trình 135 giai đoạn III.

- Cơ quan thường trực Chương trình 135 cấp huyện tổng hợp, gửi báo cáo theo đúng thời gian đã được quy định của cơ quan thường trực Chương trình 135 tỉnh, ngoài ra thực hiện các báo cáo đột xuất khi được yêu cầu.

- Ban Dân tộc tỉnh - Thường trực Chương trình 135 giai đoạn III có trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ hàng quý, năm về tình hình thực hiện gửi Ủy ban Dân tộc (Văn phòng điều phối Chương trình 135) và UBND tỉnh.

2. Kết thúc năm kế hoạch và kết thúc chương trình, UBND các huyện lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình 135 giai đoạn III gửi về Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Phân công nhiệm vụ

1. Xử lý những vấn đề chuyển tiếp: Đảm bảo nguyên tắc khi thực hiện theo Thông tư hướng dẫn mới không làm gián đoạn hoặc chậm tiến độ thực hiện Chương trình 135, cụ thể như sau:

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng: những dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo KTKT, lựa chọn nhà thầu xây dựng trước ngày Thông tư số 05/2013/TTLT-UBDT-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 của liên bộ Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng có hiệu lực được thực hiện theo các hướng dẫn phù hợp tại thời điểm phê duyệt.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có những văn bản áp dụng thực hiện được trích dẫn cụ thể tại Thông tư số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 được cấp có thẩm quyền quyết định thay thế, sửa đổi, bổ sung thì được áp dụng theo những nội dung thay thế, sửa đổi, bổ sung tương ứng của văn bản đó.

2. Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ

a. Đối với cấp tỉnh

UBND tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh làm cơ quan thường trực Chương trình. Cơ quan thường trực Chương trình chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý, có nhiệm vụ:

- Thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn các huyện, thị xã lập kế hoạch hàng năm, tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện từng năm trên địa bàn báo cáo UBND tỉnh.

- Tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện các dự án, chính sách thuộc Chương trình 135 các huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để thực hiện lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn.

- Trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh ban hành hướng dẫn phù hợp với điều kiện ở địa phương.

- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ thực hiện Chương trình khi được UBND tỉnh giao.

- Chủ trì giúp Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu của tỉnh tổ chức kiểm tra, theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo theo quy định của tỉnh và Cơ quan điều phối chương trình 135 của Ủy Ban Dân tộc.

b. Đối với cấp huyện

UBND huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn diện về chất lượng, tiến độ, hiệu quả của dự án trên địa bàn huyện.

UBND huyện căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch vốn được phân bổ theo tiêu chí và nhiệm vụ hàng năm của chương trình được UBND tỉnh giao, có trách nhiệm chủ động

cân đối vốn cho từng dự án, hạng mục công trình (bao gồm cả các nguồn lực khác tại địa phương). UBND huyện giao Phòng Dân tộc (nơi có Phòng Dân tộc) hoặc cơ quan chuyên môn phù hợp làm Cơ quan thường trực Chương trình 135 của huyện. Cơ quan thường trực có trách nhiệm tham mưu giúp UBND huyện quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc, tổ chức thực hiện và tổng hợp báo cáo.

Các phòng ban chức năng của huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban Quản lý dự án huyện; Phòng Kinh tế; Kho Bạc Nhà nước huyện...) phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao. Đảm bảo đầu tư đúng đối tượng, mục tiêu của Chương trình một cách nhanh chóng và thuận lợi nhằm đạt được hiệu quả cao.

Sau khi giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện của Chương trình cho từng dự án, từng hạng mục công trình, UBND huyện tổng hợp gửi báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh để theo dõi, giám sát và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

c. Đối với cấp xã:

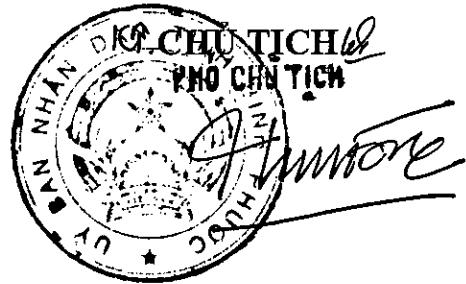
Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch vốn và mục tiêu, nhiệm vụ được UBND huyện giao để tổ chức triển khai thực hiện các dự án đúng đối tượng, mục tiêu theo quy định trên địa bàn xã.

Điều 9. Điều chỉnh, sửa đổi

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những quy định trên đây không phù hợp với tình hình thực tế thì UBND các huyện, UBND các xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 10: Điều khoản thi hành

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, UBND các xã được thụ hưởng Chương trình, các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện đúng theo quy định này./.



Nguyễn Huy Phong